

Số: /KH-UBND

An Giang, ngày tháng 7 năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin**

Thực hiện Quyết định số 918/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin với các nội dung sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

a) Xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả và tiết kiệm.

b) Xác định trách nhiệm và công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh.

c) Nâng cao nhận thức về Luật Tiếp cận thông tin và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương và nhân dân trong việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

**2. Yêu cầu**

a) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, thường xuyên của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; sự phối hợp liên tục, chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

b) Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì, cơ quan phối hợp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong các hoạt động triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ, bảo đảm tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả.

d) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

**II. NỘI DUNG**

1. Tổ chức quán triệt, thực hiện truyền thông, phổ biến Luật Tiếp cận thông tin và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh, cơ quan, tổ chức liên quan.

b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

d) Sản phẩm: Các hội nghị, hội thảo, tọa đàm; tin, bài tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; tài liệu phổ biến, tài liệu truyền thông và các hình thức truyền thông phù hợp khác.

2. Công khai thông tin đầu mỗi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; rà soát, kiện toàn, bố trí hợp lý đơn vị, bộ phận hoặc người làm đầu mỗi cung cấp thông tin

a) Công khai thông tin đầu mỗi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin

- Nội dung: Công khai tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cơ quan, đơn vị đầu mỗi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại điểm u khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Trước ngày 01 tháng 9 năm 2026.

b) Rà soát, kiện toàn, bố trí hợp lý đơn vị, bộ phận hoặc người làm đầu mỗi cung cấp thông tin

- Nội dung: Rà soát đội ngũ công chức, viên chức, đơn vị, bộ phận để có biện pháp bố trí bộ phận hoặc công chức, viên chức đủ năng lực, trình độ làm đầu mỗi cung cấp thông tin; ưu tiên bố trí những người có kinh nghiệm, chuyên môn lĩnh vực pháp luật, công nghệ thông tin; đảm bảo hướng dẫn, hỗ trợ và giải thích rõ ràng cho công dân khi có yêu cầu cung cấp thông tin.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Công bố, công khai thủ tục hành chính về cung cấp thông tin theo quy định; lập và công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin

a) Công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

b) Lập và công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước được giao.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 01 tháng 9 năm 2026.

4. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin

a) Nội dung: (i) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; (ii) thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật (nếu cần thiết) để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Tiếp cận thông tin và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

b) Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

c) Thời gian thực hiện:

- Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu gửi kết quả rà soát về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để báo cáo về Bộ Tư pháp trước ngày 01/8/2026.

- Sở Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát theo quy định.

d) Sản phẩm: Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

5. Vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin của cơ quan, đơn vị

a) Vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị

- Cơ quan chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và cơ quan, tổ chức liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Rà soát, phân loại thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện, bảo đảm tính

bí mật của thông tin trước khi cung cấp; lập danh mục thông tin phải được công khai

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và cơ quan, tổ chức liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Số hóa các văn bản, hồ sơ, tài liệu; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin của cơ quan, đơn vị

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Tham gia và tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác đầu mối cung cấp thông tin

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và cơ quan, tổ chức liên quan.

c) Hình thức tổ chức: Trực tiếp hoặc trực tuyến.

d) Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

7. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và cơ quan, tổ chức liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

d) Sản phẩm: Văn bản đôn đốc, kế hoạch thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Trách nhiệm thực hiện**

a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong phạm vi quản lý của mình chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

b) Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chủ động xây dựng kế hoạch triển

khai thi hành Luật hoặc lồng ghép vào kế hoạch triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan khác có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch theo đúng tiến độ.

d) Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu bảo đảm kinh phí, nhân lực để triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

## 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy định trong Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan có thẩm quyền để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh thì các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp tổng hợp) để được xem xét, giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- CVP. UBND tỉnh;
- Phòng Nội chính;
- Lưu: VT, ttlan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Phong**